

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày: 11-01-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hoàng Tuấn
Ông Nguyễn Văn Giữ

- ***Thư ký phiên tòa :*** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú không tham gia phiên tòa.***

Ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2020/QĐST-DS ngày 02/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 296/2020/QĐST-DS ngày 21/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT; địa chỉ trụ sở: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Hồng S, chức vụ: giám đốc chi nhánh Vĩnh Long theo văn bản ủy quyền số 3978/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 của Tổng giám đốc ngân hàng TMCP SGTT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đoàn Minh Đ, chức vụ: trưởng phòng giao dịch Long Hồ - ngân hàng TMCP SGTT chi nhánh Vĩnh Long. địa chỉ: số 254, khóm 5, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Theo giấy uỷ quyền ngày 16/9/2020. có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp MC, xã MĐ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 9 năm 2020 và lời khai của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 27/9/2017, ngân hàng có ký với bà Trần Thị Ngọc N hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và cấp cho bà N 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), số thẻ là 356481-9037, thời hạn sử dụng là 05 năm, lãi suất 2,5%/tháng.

Thẻ tín dụng của bà N có thời hạn sử dụng là 05 năm, lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã tạm khoá quyền sử dụng thẻ và chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 30/6/2020.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền tính đến ngày 21/9/2020 là 33.011.385 đồng (ba mươi ba triệu, không trăm mười một ngàn ba trăm tám mươi lăm đồng), trong đó dư nợ: 29.796.380 đồng, lãi quá hạn 3.215.005 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 22/9/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ theo thẻ tín dụng.

Theo đơn xin vắng mặt ngày 09/01/2021 và tóm tắt sao kê ngày 09/01/2021, ngân hàng xin vắng mặt tại phiên toà xét xử ngày 11/01/2021 và xác định yêu cầu khởi kiện: buộc bà N trả số tiền tính đến ngày 11/01/2021 là 37.349.705 đồng (ba mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi chín ngàn, bảy trăm lẻ năm đồng) trong đó dư nợ gốc là 29.796.380 đồng (hai mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi sáu ngàn, ba trăm tám mươi đồng) và lãi quá hạn: 7.553.325 đồng (bảy triệu, năm trăm năm mươi ba ngàn, ba trăm hai mươi lăm đồng).

- Bị đơn bà Trần Thị Ngọc N đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng bà không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Trần Thị Ngọc N cư trú tại huyện Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn bà Trần Thị Ngọc N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai và ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N và ngân hàng là phù hợp với qui định pháp luật tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Ngân hàng yêu cầu bà N trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 37.349.705 đồng (ba mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi chín ngàn, bảy trăm lẻ năm đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/01/2021 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng trên.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay bà vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như bà tự từ bỏ quyền lợi của bản thân cũng như không bác bỏ yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện bà N có ký kết với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/9/2017; bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Theo đó, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán và ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay của bà N từ ngày 19/8/2020 được thể hiện theo bảng tóm tắt sao kê ngày 09/01/2021.

[2.4] Về tiền lãi căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 thì ngân hàng và khách hàng có quyền tự thỏa thuận về mức lãi suất, do đó lãi suất của hợp đồng được tính theo bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

[2.5] Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định giữa bà N và Ngân hàng có xác lập hợp đồng tín dụng là có thật. Việc giao dịch này hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nay bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT số tiền 37.349.705 đồng (ba mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi chín ngàn, bảy trăm lẻ năm đồng) trong đó dư nợ gốc là 29.796.380 đồng (hai mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi sáu ngàn, ba trăm tám mươi đồng) và lãi quá hạn: 7.553.325 đồng (bảy triệu, năm trăm năm mươi ba ngàn, ba trăm hai mươi lăm đồng). Đồng thời, bà N có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng trên tính từ ngày 12/01/2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng trên.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT. Buộc bà Trần Thị Ngọc N có nghĩa vụ trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT số tiền 37.349.705 đồng (ba mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi chín ngàn, bảy trăm lẻ năm đồng) trong đó dư nợ gốc là 29.796.380 đồng (hai mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi sáu ngàn, ba trăm tám mươi đồng) và lãi quá hạn: 7.553.325 đồng (bảy triệu, năm trăm năm mươi ba ngàn, ba trăm hai mươi lăm đồng).

Bà Trần Thị Ngọc N có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/9/2019 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng trên tính từ ngày 12/01/2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc N phải chịu 1.867.500 đồng (một triệu, tám trăm sáu mươi bảy ngàn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT số tiền 825.000 đồng (tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008456 ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT và bà Trần Thị Ngọc N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND.Châu Phú;
- Chi cục THADS Châu Phú;
- Văn phòng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hường